

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

Số: 82/2019/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trà Vinh, ngày 12 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng,
đổi mới công nghệ thiết bị và phát triển thị trường khoa học
và công nghệ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BKH-CN ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ các dự án đầu tư;

Xét Tờ trình số 1051/TTr-UBND ngày 27/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ thiết bị và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ thiết bị và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện; Thường trực, các Ban HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa IX - kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 12/4/2019 và có hiệu lực từ ngày 22/4/2019.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: TP, KH và CN, KH và ĐT, TC;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TP, KH và CN, KH và ĐT, Tài chính, Công thương, Ban QLKKT Trà Vinh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Báo Trà Vinh, Đài PT và TH Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Trần Trí Dũng

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ
thiết bị và phát triển thị trường khoa học và công nghệ
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 82/2019/NQ-HĐND
ngày 12/4/2019 của HĐND tỉnh Trà Vinh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nguyên tắc, nội dung, định mức và điều kiện hỗ trợ của tỉnh Trà Vinh trong hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ thiết bị và phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân đang hoạt động đầu tư có sử dụng công nghệ để sản xuất sản phẩm cụ thể (vật phẩm) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, bao gồm: Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; hộ kinh doanh.

2. Tổ chức, cá nhân khác có hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

3. Quy định này không áp dụng đối với dự án đầu tư có 100% vốn nước ngoài và đề tài/dự án thuộc nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện dưới hình thức đăng ký, tuyển chọn xét duyệt sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 3. Lĩnh vực hỗ trợ

Công nghệ thuộc diện khuyến khích chuyển giao theo Phụ lục I kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ hoặc thuộc ngành nghề, lĩnh vực ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp.

2. Không hỗ trợ đối với các dự án đã và đang thực hiện bằng nguồn vốn nhà nước hoặc đã nhận từ nguồn khác.

3. Trường hợp Chính phủ ban hành mới Quy định điều chỉnh chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư thì áp dụng theo quy định của Chính phủ.

4. Không phân biệt giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư liên doanh với nước ngoài.

5. Ngoài các chính sách hỗ trợ theo Quy định này, nhà đầu tư được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Trường hợp cùng một nội dung nhưng có nhiều mức hỗ trợ đầu tư khác nhau thì áp dụng mức hỗ trợ có lợi nhất cho nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân.

7. Các khoản hỗ trợ đầu tư theo Quy định này được thực hiện sau đầu tư.

Chương II **NỘI DUNG HỖ TRỢ**

Điều 5. Hỗ trợ cho hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ thiết bị

1. Nội dung và mức hỗ trợ đầu tư trực tiếp:

a) Hỗ trợ trực tiếp hoạt động khảo sát, xây dựng dự án. Mức hỗ trợ 05 triệu đồng/dự án.

b) Hỗ trợ trực tiếp 50% kinh phí cho các nội dung:

- Chi phí chuyển giao, ứng dụng công nghệ (chi phí mua bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ) và chi phí huấn luyện, hướng dẫn lắp đặt thiết bị, kiểm tra, vận hành thử. Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án;

- Chi phí thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập để tư vấn lựa chọn thiết bị, công nghệ (bao gồm chi phí thù lao, đi lại, ăn ở). Mức hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng/dự án;

- Chi phí giám định công nghệ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/dự án.

c) Hỗ trợ trực tiếp 30% kinh phí mua sắm, máy móc thiết bị phục vụ công nghệ chuyển giao hoặc đổi mới máy móc thiết bị hoặc mở rộng quy mô sản xuất (nhằm ứng dụng công nghệ thuộc diện khuyến khích chuyển giao). Mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án.

d) Hỗ trợ trực tiếp 100% kinh phí thẩm định công nghệ theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHCN ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ các dự án đầu tư. Mức hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng/dự án.

đ) Đối với các dự án ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao (có Giấy chứng nhận công nghệ cao theo quy định), các nội dung hỗ trợ tại Điểm b

Khoản này được hỗ trợ 60% kinh phí (mức hỗ trợ tối đa không quá 420 triệu đồng/dự án).

2. Hỗ trợ lãi suất: Ngoài kinh phí hỗ trợ trực tiếp, nhà đầu tư còn được hỗ trợ 20% lãi suất trong 02 năm đầu cho các khoản vay phục vụ chuyển giao công nghệ và mua máy móc thiết bị; nhưng không quá 200 triệu đồng cho một dự án. Mức lãi suất hỗ trợ được áp dụng theo lãi suất cho vay đầu tư trung hạn cùng thời điểm của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Trà Vinh.

3. Điều kiện hỗ trợ:

- a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- b) Có dự án thuộc lĩnh vực hỗ trợ.
- c) Có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ).
- d) Có văn bản thẩm định công nghệ dự án đầu tư theo quy định.

Điều 6. Hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu khoa học, giải mã công nghệ, hoàn thiện sáng chế (hoặc giải pháp hữu ích), sáng kiến do nhà đầu tư và tổ chức, cá nhân tự thực hiện.

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ hoàn lại 40% kinh phí đã đầu tư thực hiện, mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/kết quả.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Kết quả nghiên cứu của tổ chức, cá nhân đã được chuyển giao hoặc ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn, được cơ quan có thẩm quyền công nhận bằng văn bản;
- Có văn bản đề nghị hỗ trợ;
- Có giải trình kinh phí đã đầu tư và được cơ quan do Ủy ban nhân dân tỉnh giao làm đầu mối chủ trì thẩm định, xác định kinh phí hỗ trợ.

2. Hỗ trợ hoạt động xúc tiến đầu tư dự án ứng dụng công nghệ cao:

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay khứ hồi (hạng phổ thông) cho 01 người/tổ chức, doanh nghiệp khi tham gia xúc tiến đầu tư dự án ứng dụng công nghệ cao ở nước ngoài theo kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nhà đầu tư nước ngoài hoặc các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam được Ủy ban nhân dân tỉnh mời làm đầu mối tham gia cùng đoàn của tỉnh đi xúc tiến đầu tư nước ngoài.

b) Điều kiện hỗ trợ: Có văn bản hoặc giấy mời của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại hóa sản phẩm khoa học: Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cá nhân đang hoạt động trên địa bàn tỉnh khi tham gia Triển lãm công nghệ, Chợ công nghệ thiết bị. Cụ thể như sau:

a) Nếu tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh chọn tham gia Triển lãm công nghệ, Chợ công nghệ thiết bị ở nước ngoài được hỗ trợ 50% chi phí

thuê gian hàng nhưng phải được cơ quan do Ủy ban nhân dân tỉnh giao làm đầu mỗi thẩm định, đề xuất hỗ trợ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp/năm.

b) Các tổ chức, cá nhân (trừ các doanh nghiệp là đại lý) khi tham gia Triển lãm công nghệ, Chợ công nghệ thiết bị trong nước được hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng và chi phí vận chuyển hàng hóa tham gia nhưng phải được cơ quan do Ủy ban nhân dân tỉnh giao làm đầu mỗi thẩm định, đề xuất hỗ trợ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 40 triệu đồng/doanh nghiệp/năm.

c) Hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân 70% chi phí (phí dịch vụ và lệ phí) cho hoạt động thực hiện các thủ tục công nhận, đăng ký, lưu hành sản phẩm mới, công nghệ mới để ứng dụng, chuyển giao, thương mại. Mức hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng/dự án.

Chương III

NGUỒN KINH PHÍ VÀ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ HỖ TRỢ

Điều 7. Nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.
2. Hàng năm, cân đối bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ thiết bị và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Quy định này.

Điều 8. Nguyên tắc xác định giá trị hỗ trợ

Căn cứ các quy định về chế độ tài chính và lập dự toán trong sử dụng ngân sách nhà nước (công tác phí; định mức máy móc, vật tư, nhiên liệu, năng lượng; thuê lao động và chuyên gia,...) làm cơ sở xem xét, xác định giá trị hỗ trợ theo định mức tại Quy định này.

CHỦ TỊCH



Trần Trí Dũng